

STT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn 2024	Điểm TB/môn
1	403	THPT Yên Hòa	42.5	8.5
2	1003	THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông	42.5	8.5
3	2401	THPT Chu Văn An	42.5	8.5
4	1102	THPT Thăng Long	42.25	8.45
5	103	THPT Phan Đình Phùng	41.75	8.35
6	802	THPT Kim Liên	41.75	8.35
7	1502	THPT Nguyễn Gia Thiều	41.75	8.35
8	301	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	41.25	8.25
9	1302	THPT Việt Đức	41.25	8.25
10	2801	THPT Nhân Chính	41.25	8.25
11	303	THPT Xuân Đỉnh	40.25	8.05
12	402	THPT Cầu Giấy	40	8
13	803	THPT Lê Quý Đôn-Đống Đa	39.75	7.95
14	1103	THPT Trần Nhân Tông	39.75	7.95
15	1301	THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm	39.5	7.9
16	1804	THPT Mỹ Đình	39.5	7.9
17	1004	THPT Quang Trung-Hà Đông	39.25	7.85
18	1403	THPT Việt Nam-Ba Lan	39	7.8
19	2301	THPT Sơn Tây	39	7.8
20	101	THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình	38.5	7.7
21	1401	THPT Hoàng Văn Thụ	38.25	7.65
22	2802	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	38.25	7.65
23	804	THPT Quang Trung-Đống Đa	37.75	7.55
24	1503	THPT Phúc Lợi	37.75	7.55

25	1803	THPT Xuân Phương	37.75	7.55
26	2402	THPT Tây Hồ	37.75	7.55
27	2701	THPT Ngọc Hồi	37.75	7.55
28	102	THPT Phạm Hồng Thái	37.5	7.5
29	302	THPT Thượng Cát	37.25	7.45
30	1402	THPT Trương Định	37.25	7.45
31	1005	THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông	37	7.4
32	1802	THPT Trung Văn	36.75	7.35
33	2803	THPT Khương Đình	36.75	7.35
34	801	THPT Đống Đa	36.5	7.3
35	1501	THPT Lý Thường Kiệt	36.5	7.3
36	1504	THPT Thạch Bàn	36.5	7.3
37	902	THPT Dương Xá	36.25	7.25
38	1201	THPT Hoài Đức A	36.25	7.25
39	2201	THPT Đa Phúc	36.25	7.25
40	502	THPT Chương Mỹ A	36	7.2
41	904	THPT Yên Viên	36	7.2
42	2804	TH. THCS và THPT Khương Hạ	36	7.2
43	901	THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm	35.75	7.15
44	2103	THPT Quốc Oai	35.75	7.15
45	704	THPT Liên Hà	35.5	7.1
46	1601	THPT Mê Linh	35.5	7.1
47	701	THPT Bắc Thăng Long	35.25	7.05
48	1801	THPT Đại Mỗ	35.25	7.05
49	702	THPT Cổ Loa	35	7

50	903	THPT Nguyễn Văn Cừ	35	7
51	1202	THPT Hoài Đức B	34.75	6.95
52	2204	THPT Sóc Sơn	34.75	6.95
53	2702	THPT Ngô Thì Nhậm	34.25	6.85
54	601	THPT Đan Phượng	34	6.8
55	603	THPT Tân Lập	34	6.8
56	703	THPT Đông Anh	34	6.8
57	705	THPT Vân Nội	34	6.8
58	2603	THPT Thanh Oai B	34	6.8
59	2302	THPT Tùng Thiện	33.75	6.75
60	1203	THPT Vân Xuân-Hoài Đức	33.25	6.65
61	206	Phổ thông Dân tộc nội trú	33	6.6
62	2703	THPT Đông Mỹ	33	6.6
63	1204	THPT Hoài Đức C	32.25	6.45
64	2202	THPT Kim Anh	32	6.4
65	2904	THPT Thường Tín	32	6.4
66	1702	THPT Mỹ Đức A	31.75	6.35
67	2206	THPT Xuân Giang	31.25	6.25
68	2504	THPT Thạch Thất	31.25	6.25
69	2602	THPT Thanh Oai A	31.25	6.25
70	2704	THPT Nguyễn Quốc Trinh	31.25	6.25
71	1603	THPT Tiên Phong	31	6.2
72	1606	THPT Yên Lãng	31	6.2
73	604	THPT Thọ Xuân	30.75	6.15
74	2601	THPT Nguyễn Du-Thanh Oai	30.75	6.15

75	205	THPT Quảng Oai	30.25	6.05
76	501	THPT Chúc Động	30.25	6.05
77	504	THPT Xuân Mai	30	6
78	204	THPT Ngô Quyền-Ba Vì	29.75	5.95
79	2203	THPT Minh Phú	29.75	5.95
80	2205	THPT Trung Giã	29.75	5.95
81	2902	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín	29.75	5.95
82	602	THPT Hồng Thái	29.5	5.9
83	1602	THPT Quang Minh	29.5	5.9
84	3004	THPT Ứng Hoà A	29.25	5.85
85	2002	THPT Phúc Thọ	29	5.8
86	2905	THPT Vân Tảo	28.5	5.7
87	1605	THPT Tự Lập	28.25	5.65
88	1902	THPT Phú Xuyên A	28.25	5.65
89	1901	THPT Đông Quan	28	5.6
90	2101	THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai	28	5.6
91	2901	THPT Lý Tử Tấn	28	5.6
92	2503	THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thám	27.75	5.55
93	1703	THPT Mỹ Đức B	27.5	5.5
94	3003	THPT Trần Đăng Ninh	27.5	5.5
95	503	THPT Chương Mỹ B	27.25	5.45
96	2104	THPT Phan Huy Chú-Quốc Oai	27.25	5.45
97	2903	THPT Tô Hiệu-Thường Tín	26.75	5.35
98	2003	THPT Vân Cốc	26.5	5.3
99	2102	THPT Minh Khai	26.5	5.3

100	505	THPT Nguyễn Văn Trỗi	26.25	5.25
101	2001	THPT Ngọc Tảo	26.25	5.25
102	1604	THPT Tiến Thịnh	26	5.2
103	2502	THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất	26	5.2
104	1904	THPT Tân Dân	25.25	5.05
105	202	THPT Bất Bạt	25	5
106	2505	THPT Minh Hà	24.75	4.95
107	2303	THPT Xuân Khanh	24.5	4.9
108	1101	THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	23.75	4.75
109	1701	THPT Hợp Thanh	23	4.6
110	1903	THPT Phú Xuyên B	23	4.6
111	3005	THPT Ứng Hoà B	23	4.6
112	201	THPT Ba Vì	22.5	4.5
113	3001	THPT Đại Cường	21	4.2
114	2501	THPT Bắc Lương Sơn	20	4
115	3002	THPT Lưu Hoàng	20	4
116	1704	THPT Mỹ Đức C	19	3.8
117	203	THPT Minh Quang	18	3.6